TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2017/DS-PT
Ngày: 13 – 4 – 2018
V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Son.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tòng

Bà Lưu Ánh Nguyệt

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lâm Thị Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Phu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 – 4 – 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2018/TLPT –DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp thừa kế tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐPT-DS ngày 26 – 3 – 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Hồng H, sinh năm 1961; trú tại: Số 38, hẻm 13, đường LLQ, khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phan Hồng Ch, sinh năm 1956.

2.2. Bà Huỳnh Thị Tr, sinh năm 1959.

Cả hai cùng trú tại: Số 80, hẻm 19, đường LLQ, khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phan Thị B, sinh năm 1935; trú tại: Số B49, tổ 14, ấp LĐ, xã LTB, huyện HT, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3.2. Ông Phan Văn H1, sinh năm 1946; trú tại: Số 62, hẻm 17, đường LLQ, khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3.3. Bà Phan Thị S, sinh năm 1951; trú tại: Số 11, tổ 18, ấp PhĐ, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3.4. Bà Phan Thị U, sinh năm 1958; trú Tại: Số 102, hẻm 21, đường LLQ, khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3.5. Chị Phan Thị A (con ông Phan Văn C) sinh năm 1960; trú tại: Ấp CT, xã HĐ, huyện Ch Th, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.6 Chị Phan Thị S1 (con ông Phan Văn C), sinh năm 1960; trú tại: Ấp XM, xã TB, huyện Ch Th, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.7 Anh Phan Công Th1 (con ông Phan Văn C), sinh năm: 1964; trú tại: Số 23, ấp XM, xã TB, huyện Ch Th, tỉnh Tây Ninh. Chết năm 2017.

3.8. Anh Phan Công L (con ông Phan Văn C), sinh năm 1966; trú tại: Ấp Suối Dộp, xã Trí Bình, huyện Ch Th1, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.9. Anh Phan Công Đ (con ông Phan Văn C), sinh năm 1969; trú tại: Số 23, ấp XM, xã TB, huyện Ch Th, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3.10. Chị Phan Thị Ngọc Tr (con ông Phan Văn C), sinh năm 1969; trú tại: Ấp Suối Dộp, xã Trí Bình, huyện Ch Th1, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.11. Chị Nguyễn Thị Đ (con ông Phan Văn C), sinh năm 1975; trú tại: Ấp XM, xã TB, huyện Ch Th, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Chị A, chị S, anh Th1, anh L và chị Tr ủy quyền cho anh Đ (văn bản ủy quyền ngày 26-5-2017).

3.12. Chị Nguyễn Thị Kh (Nh) (con bà Phan Thị N1), sinh năm: 1963; trú tại: Khu phố 2, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3.13 Anh Nguyễn Văn M1 (con bà Phan Thị N1), sinh năm 1966; trú tại: Ấp Gò Cát, xã T8 Phong, huyện T8 Biên, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.14. Anh Nguyễn Văn Thân (con bà Phan Thị N1), sinh năm 1966; trú tại: Số 13, đường NVR, khu phố 1, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.15. Anh Nguyễn Văn Phú (con bà Phan Thị N1); sinh năm 1966; trú tại: Số 13, đường NVR, khu phố 1, Phường 4, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Anh Thân, anh M1 ủy quyền cho anh Phú (văn bản ủy quyền ngày 23-5-2017).

3.16. Chị Nguyễn Thị Q1 (con bà Phan Thị N1), sinh năm 1972; trú tại: Ấp H Đ, xã H T, huyện H Th, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3.17. Anh Nguyễn Văn M (con bà Phan Thị N1), sinh năm 1970; trú tại: Ấp ĐD, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Chết tháng 01/2018.

3.18. Chị Nguyễn Thị H2 (con bà Phan Thị N1), sinh năm 1977; trú tại: Khu phố NH, phường NTh, thành phố TN. Vắng mặt.

3.19. Anh Phan Thanh S4(con ông Phan Thanh Đ), sinh năm: 1972; trú tại: Ấp ThA1, xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

3.20. Anh Phan Thanh Nh1 (con ông Phan Thanh Đ), sinh năm 1979; trú tại: Ấp ThA1, xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.21. Anh Phan Thanh Tr (con ông Phan Thanh Đ), sinh năm 1982; trú tại: Ấp ThA1, xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.22. Chị Phan Thị Thanh T3 (con ông Phan Thanh Đ), sinh năm 1985; trú tại: Ấp ThA1, xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.23. Chị Phan Thị Thanh Th (con ông Phan Thanh Đ), sinh năm 1973; trú tại: Khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Anh Nh, anh Tr và chị T3 ủy quyền cho anh S (văn bản ủy quyền ngày 09-5-2017).

3.24. Anh Phan Tấn Th2 (con anh Phan Công Th1), sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp XM, xã TB, huyện Ch Th, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.25. Anh Phan Tấn Th5(con anh Phan Công Th1), sinh năm 1985; trú tại: Ấp XM, xã TB, huyện Ch Th, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.26. Chị Phan Thị Thanh Th (con anh Phan Công Th1), sinh năm 1988; trú tại: Ấp XM, xã TB, huyện Ch Th, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.27. Anh Phan Tấn Th7 (con anh Phan Công Th1), sinh năm 1990; trú tại: Ấp XM, xã TB, huyện Ch Th, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Anh Th2, anh Th5, chị Th, anh Th7 ủy quyền cho anh Phan Công Đ (văn bản ủy quyền ngày 27-10-2017).

3.28. Chị Nguyễn Thị Kim Ng (con của anh Nguyễn Văn M6), sinh năm 1993; trú tại: Ấp ĐD, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.29. Anh Nguyễn Văn T7(con của anh Nguyễn Văn M6), sinh năm 1998; trú tại: Ấp ĐD, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3.30. Anh Nguyễn Minh G (con của anh Nguyễn Văn M6), sinh năm 2002; trú tại: Ấp ĐD, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người kháng cáo bị đơn ông Phan Hồng H, bà Huỳnh Thị Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị S, chị Nguyễn Thị Kh, chị Nguyễn Thị Quí, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nguyên đơn nguyên đơn ông Phan Hồng H trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Phan Văn B, sinh 1908, chết ngày 29-11-1976; mẹ là cụ Biện Thị N1 sinh năm 1913, chết ngày 08-11- 2006; hai cụ chung sống với nhau có 11 người con đã chết trước khi cụ B, cụ N1 chết 02 người chưa có vợ chồng còn lại 09 người gồm: Phan Văn C (Nguyễn Văn B2), sinh năm 1922 (chết năm 2016); Phan Thị B, sinh năm 1935; Phan Thị N1, sinh năm: 1937 (chết năm 2015); Phan Thanh Đ, sinh năm 1941, (chết năm 2016); Phan Văn H1, sinh năm

1946; Phan Thị S, sinh năm 1951; Phan Hồng Ch, sinh năm 1956; Phan Thị U, sinh năm 1958 và ông là Phan Hồng H, sinh năm 1961. Cụ B và cụ N1 chết không để lại di chúc; sau khi cụ N1 chết di sản để lại gồm:

- Phần đất thứ nhất: Diện tích 1.570 m^2 thuộc thửa số 257 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp H Đ, xã H T8, huyện HTh1, tỉnh Tây Ninh (nay là Khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh); trên đất có căn nhà gỗ ngói xưa, 01 căn nhà tole và cây trái trên đất, ngày 29-4-1994 cụ N1 được Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất trị giá 3.534.000.000 đồng.

- Phần đất thứ hai: Diện tích 21.115 m^2 thuộc thửa số 1919 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại xã Ninh Thạnh, huyện Hòa Thành (nay là phường Ninh Thạnh, Thành phố Tây Ninh) tỉnh Tây Ninh; ngày 22-12-1998 cụ N1 được Uỷ ban nhân dân huyện Hòa Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất trị giá 1.738.365.994 đồng, hiện ông Phan Hồng Châu đang quản lý sử dụng 02 phần đất trên.

Ngoài ra cụ B, cụ N1 còn tạo lập được nhiều phần đất rẫy và tài sản khác nhưng không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi cụ N1 chết vào tháng 10 năm 2014 các anh em có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản thừa kế. Quá trình giải quyết vụ án các bên đã thỏa thuận thống nhất với nhau theo biên bản ngày 21/01/2015 chia diện tích 1.570m^2 đo thực 2.383m^2 thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp H Đ, xã H T8, huyện Hòa Th1, tỉnh Tây Ninh (nay là Khu phố X, Phường Y, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh) trên đất có căn nhà gỗ ngói xưa và 01 căn nhà tole diện tích đất phía trước chia cho ông Ch ½ diện tích mặt trước, đất có nhà, còn ½ mặt sau chia cho 08 anh chị em còn lại. Phần đất diện tích 21.115 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 1 tọa lạc tại xã Ninh Thạnh, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) thành 09 phần các anh em mỗi người 01 phần, biên bản phân chia tài sản thừa kế các anh em đồng ý ký tên nên các anh em đã rút lại đơn khởi kiện để gia đình thỏa thuận làm thủ tục giấy tờ sang tên; Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó các bên đến Phòng Công chứng Duy Linh làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mỗi người, có sự tranh cãi về diện tích 300 m^2 đất thổ cư, ông Ch không đồng ý chia diện tích đất thổ cư và sau đó các anh em đồng ý nhưng ông Ch vẫn không đồng ý ký tên. Nay ông yêu cầu được chia theo biên bản đã thỏa thuận:

1. Đối với phần đất diện tích 1.570 m^2 (diện tích thực tế là 2.382 m^2) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp Hiệp Định, xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) được Uỷ ban nhân dân huyện Hòa Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Biện Thị N1 đứng tên ngày 29-4-1994 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số: 01243 QSDĐ/D6), trên đất có căn nhà và cây trái; chia giao cho ông Ch được hưởng diện tích 1.171,7 m^2 trên đất có căn nhà gỗ

ngói xưa, 01 căn nhà tole và cây trái ở mặt trước (trong đó có 300 m^2 đất thổ cư); diện tích còn lại 1.210,3 m^2 đất ở mặt sau chia thành 08 phần cho các anh em mỗi người 01 phần.

2. Đối với phần đất diện tích 21.115 m^2 (diện tích thực tế 17.167 m^2) thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Ninh Thạnh, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) chia thành 09 phần các anh em mỗi người 01 phần. Ngày 18/10/2017 ông H có yêu cầu bổ sung: xin chia nhà của cụ N1 cất trên đất nhưng đến ngày 25/10/2017 rút lại yêu cầu.

Tại bản tự khai ngày 04-5-2017, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Hồng Ch trình bày:

Sau khi cụ B, cụ N1 chết để lại tài sản gồm: 01 phần đất diện tích 1.570 m^2 thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh và 01 phần đất rẫy diện tích 21.115 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là đúng, 02 phần đất trên cụ N1 còn đứng tên. Sau khi cụ N1 chết các anh em có kiện ra Tòa yêu cầu chia và thỏa thuận nhưng ông không đồng ý chia lý do các anh chị em đòi chia phần diện tích đất thổ cư (300 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.570 m^2) đồng thời trước đây khi mẹ (cụ N1) còn sống đã chia tài sản cho các anh chị em rồi, phần tài sản mà ông đang quản lý sử dụng là tài sản mà ông được mẹ chia cho ông. Đối với phần đất diện tích 1.570 m^2 (diện tích thực tế là 2.382 m^2) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh ông đồng ý chia đều ½ diện tích đất phía sau (thuộc đất vườn) thành 10 tính luôn 02 phần cho 02 người đã chết do ông cúng giỗ hàng năm, ông được nhận thêm 01 phần dùng cho việc cúng giỗ. Đối với phần đất diện tích 21.115 m^2 (diện tích thực tế 17.167 m^2) thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh ông yêu cầu được hưởng hết không đồng ý chia, do cha mẹ chết để lại cho ông để cúng giỗ hàng năm.

Tại bản tự khai ngày 04-5-2017 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị Tr trình bày:

Bà thống nhất theo lời trình bày của chồng là ông Ch; bà không đồng ý chia diện tích 21.115m^2 ở Ninh Thạnh do cha mẹ chồng chết để lại; bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 03-5-2017 và quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị B, ông Phan Văn H1, bà Phan ThịU trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của ông H, cụ B và cụ N1 chung sống với nhau có 09 người con, cụ B mất 1976, cụ N1 mất 2006; không để lại di chúc, tài sản để lại gồm: 01 phần đất diện tích 1.570 m^2, thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, trên đất có căn nhà gỗ ngói xưa, 01 căn nhà tole tọa lạc tại khu phố X,

Phường Y, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh và 01 phần đất rẫy diện tích 21.115 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ N1 đứng tên, các anh em yêu cầu chia thừa kế hai phần đất này.

Ngoài ra cụ B, cụ N1 còn tạo L được nhiều phần đất rẫy và tài sản khác thống nhất không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì trước đây các anh chị em đã thống nhất chia tài sản thừa kế do cha mẹ chết để lại đối với hai phần đất trên nhưng sau đó ông Ch không thực hiện; nay yêu cầu chia ½ phần đất diện tích 1.570 m^2 (diện tích thực tế 2.382 m^2) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh ở mặt sau thành 08 phần bằng nhau cho 08 người, đồng ý giao ½ diện tích đất mặt tiền (trước) trên đất có căn nhà ngói cho ông Ch sử dụng quản lý và yêu cầu chia phần đất rẫy diện tích 21.115 m^2 (diện tích thực tế là 17.167 m^2) thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh thành 09 phần bằng nhau, mỗi người 01 phần, theo biên bản các anh em đã thỏa thuận trước đây ngày 21/01/2015.

Tại bản tự khai ngày 05-7-2017 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị S trình bày:

Bà thống nhất là cha mẹ (cụ B và cụ N1) có 09 người con, khi mẹ (cụ N1) còn sống có chia tài sản cho các anh chị em. Bà xác định sau khi mẹ bà chết không để lại di chúc, tài sản để lại gồm 01 phần đất thổ cư diện tích 1.570 m^2, thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh; năm 1994 cụ N1 được Uỷ ban nhân dân huyện Hòa Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đất có căn nhà gỗ ngói xưa, 01 căn nhà tole và 01 phần đất rẫy diện tích 21.115 m^2 thuộc thửa số 1919 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh do Uỷ ban nhân dân huyện Hòa Thành cấp cho cụ N1 đứng tên vào năm 1998 là đúng. Nay ông H yêu cầu chia tài sản cha mẹ chết để lại bà không đồng ý, do ông Ch thờ cúng ông bà. Bà yêu cầu để lại 02 phần diện tích đất trên cho ông Ch được hưởng, ông Ch cúng giỗ cha mẹ; nếu các anh chị em yêu cầu chia 02 phần diện tích đất trên thì bà đồng ý giao lại phần bà được hưởng cho ông Ch và các anh em trích lại một phần cho ông Ch để ông Ch thờ cúng ông bà.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phan Công Đ trình bày:* Anh đại diện cho các anh chị em là A, S1, Th1, L, Tr. Anh thống nhất với lời trình bày của ông H, bà B, ông H1 và bà U, anh yêu cầu được hưởng phần tài sản thừa kế của ông bà nội chết để lại mà cha anh là ông Phan Văn C (B) được hưởng theo biên bản thỏa thuận ngày 21/01/2015.

- *Tại bản tự khai ngày 18-10-2017 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đ trình bày*:

Trước đây chị có nghe cha là ông Phan Văn C (Nguyễn Văn B) kể lại là ông bà nội có tạo dựng một số tài sản, cha chị đã được ông bà nội chia cho phần

tài sản trong khối tài sản chung của ông bà rồi. Hai phần đất đã chia cho cha chị và cô Năm là bà Phan Thị N1 tại khu phố X, Phường Y, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, ông C đã cho chị và chị đã bán, còn phần đất của bà Năm hiện ông H1 đang quản lý sử dụng. Các phần đất ông bà nội đã chia xong cho các cô chú. Ông bà để lại nhà thờ cất trên phần đất diện tích 1.570 m^2 và 1,9 ha đất rẫy để lại cho chú U là ông Phan Hồng Ch để trồng mì lấy tiền thu hoạch nuôi bà nội cho đến khi qua đời và giỗ ông, bà cô chú đã mất. Nay đối với phần tài sản mà cha chị được hưởng trong khối tài sản thừa kế của bà nội chị không yêu cầu được hưởng, giao lại cho ông Ch được hưởng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Ph trình bày:

Anh thống nhất với phần trình bày của ông H, bà B, ông H1 và bà U; anh yêu cầu được hưởng phần tài sản mà mẹ anh là bà Phan Thị N1 được hưởng khi chia tài sản thừa kế của ông bà ngoại chết để lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị H2, trình bày:

Chị H2, chị Q, chị Kh (các con bà N) thống nhất trước đây mẹ là bà Phan Thị N1 được ông bà ngoại chia tài sản rồi; đối với phần tài sản hiện đang tranh chấp mà mẹ các chị được hưởng trong khối di sản thừa kế do ông bà ngoại chết để lại các chị không yêu cầu chia, đồng ý giao lại cho ông Ch quản lý sử dụng để thờ cúng tổ tiên, ông bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn M (chết tháng 01/2018) trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của ông H, bà B, ông H1, bà U. Anh xác Đ ông bà ngoại chết có để lại tài sản chưa chia cho các cậu, dì; hiện đang tranh chấp 02 phần đất trên do ông Ch đang quản lý, sử dụng. Anh yêu cầu được hưởng phần tài sản mà mẹ anh là bà Phan Thị N1 được hưởng khi chia tài sản thừa kế của ông bà ngoại chết để lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Thanh S4trình bày:

Anh đại diện cho các anh em: Nh, Tr, T3 và anh thống nhất với phần trình bày của ông H, ông H1, bà B và bà U, anh yêu cầu được hưởng phần tài sản trong khối tài sản mà ông bà nội chết để lại cho cha anh là ông Phan Thanh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Thanh Th trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của ông H, bà B, ông H1, bà U và anh S, chị đồng ý giao lại cho anh S quản lý sử dụng phần tài sản mà cha chị là ông Phan Thanh Đ được hưởng trong khối tài sản của ông bà chết để lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Th2, anh Th5, chị Th, anh Th7 *(con ông Th1 chết năm 2017) trình bày:*

Trước đây cha của các anh chị là Phan Công Th1 con của Phan Văn C (chết) có ủy quyền cho chú ruột của các anh chị là Phan Công Đ tham gia giải quyết vụ án chia di sản thừa kế của ông bà để lại. Ngày 16-9-2017 anh Phan Công Th1 đã chết; nay các con gồm Anh Th2, anh Th5, chị Th, anh Th7 thống nhất yêu cầu được hưởng phần thừa kế của cha và đồng ý ủy quyền lại cho anh

Phan Công Đ.

- Tại biên bản ngày 23-01-2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh Tiến và Nguyễn Minh G trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản giữa ông Phan Hồng H với ông Phan Hồng Ch, bà Huỳnh Thị Tr, cha anh là anh Nguyễn Văn M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chết vào ngày 01-01-2018, nay đối với phần di sản mà cha anh được hưởng yêu cầu giải quyết theo quy Đ của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh đã xử:

Căn cứ vào Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hồng H "Tranh chấp về thừa kế tài sản" đối với ông Phan Hồng Ch và bà Huỳnh Thị Tr. Xác định tài sản 02 phần đất diện tích 1.579m^2 (đo thực 2382m^2) và diện tích 21.115m^2 (đo thực tế 17.107m^2) do cụ Biện Thị N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/4/1994 và 22/12/1998 chết đi để lại.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Phan Hồng H yêu cầu chia căn nhà và cây trồng trên đất diện tích đất 1.570 m^2 (diện tích thực tế là 2.382 m^2) thuộc thửa số 257 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Ghi nhận các đương sự thống nhất giao cho ông Ch được hưởng diện tích 1.171, 7m^2 (trong đó có 300m^2 đất thổ cư) thuộc thửa số 257 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp H Đ, xã H T8, huyện Hòa Th1, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) mặt trước đến hàng rào B40, trên đất có căn nhà ngói xưa, căn nhà tole, công trình phụ và cây trái trên đất.

4. Ông Phan Hồng H được hưởng quyền sử dụng diện tích 151,287 m^2 đất (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà U dài 38 m; phía Tây giáp ông H1 dài 38 m; phía Nam giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875 m; phía Bắc giáp đường bê tông 10 m; có giá trị là 224.453.477 đồng và diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc Anh; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất chia cho bà Phan Thị B; phía Bắc giáp đất chia cho ông Phan Hồng Ch; có giá trị 129.086.302 đồng. Tổng giá trị là 353.539.779 đồng.

5. Ông Phan Hồng Ch được hưởng quyền sử dụng diện tích 1.171,7 m^2 đất (trong đó có 300 m^2 đất ở), phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất cũ

của bà 8 Mén dài 35,86 m; phía Tây giáp đất của ông Bảnh, ông S1 dài 34,34 m; phía Nam giáp đường bê tông (5 m) dài 30,52 m; phía Bắc giáp phần đất mặt sau chia cho các ông bà: H, C, B, Năm, Để, H1, S, và U dài 30,8 m hiện có hàng rào B40; (trên đất có căn nhà và tài sản gắn liền với đất) có giá trị 2.168.221.594 đồng và diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc Anh, phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất chia cho ông Phan Hồng H; phía Bắc giáp đất chia cho bà Phan Thị S; có giá trị 129.086.302 đồng (trên đất có nhà và cây cao su) hiện 02 phần đất trên ông Ch đang quản lý sử dụng. Tổng giá trị là 2.297.307.896 đồng.

6. Bà Phan Thị B được hưởng quyền sử dụng diện tích 151,287 m^2 đất (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà Năm dài 38 m; phía Tây giáp ông C dài 38 m; phía Nam giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875 m; phía Bắc giáp đường bê tông 10 m; trị giá là 224.453.477 đồng và diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc Anh; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất ông ông Phan Văn H1; phía Bắc giáp đất ông Phan Hồng H; có giá trị 129.086.302 đồng. Tổng giá trị là 353.539.779 đồng.

7. Ông Phan Văn H1 được hưởng quyền sử dụng diện tích 151,287 m^2 đất (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông H dài 38 m; phía Tây giáp ông Để dài 38 m; phía Nam giáp giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875 m; phía Bắc giáp đường bê tông 10m; trị giá 224.453.477 đồng và diện tích 1.907,4m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc Anh và ông Phan Hồng Ch; phía Tây giáp đất đường đất; phía Nam giáp đất chia cho bà Phan Thị U; phía Bắc giáp đất bà Phan Thị B; có giá trị 129.086.302 đồng. Tổng giá trị là 353.539.779 đồng.

8. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị S giao lại toàn bộ phần thừa kế mà bà được hưởng cho ông Phan Hồng Ch được hưởng diện tích 151,287 m^2 đất (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà 8 Mén dài 38 m; phía Tây giáp đất bà U dài 38 m; phía Nam giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875 m; phía Bắc giáp đường bê tông 10 m; giá trị phần đất là 224.453.477 đồng và diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông

Nguyễn Ngọc Anh; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất chia cho ông Phan Hồng Ch; phía Bắc giáp đường đất, có giá trị 129.086.302 đồng. Tổng giá trị là 353.539.779 đồng.

9. Bà Phan Thị U được hưởng quyền sử dụng diện tích 151,287 m^2 đất (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà S dài 38 m; phía Tây giáp ông H dài 38 m; phía Nam giáp giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875 m; phía Bắc giáp đường bê tông 10 m; giá trị phần đất là 224.453.477 đồng và diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Phan Hồng Ch; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất ông Phan Văn C; phía Bắc giáp đất chia cho ông Phan Văn H1; có giá trị 129.086.302 đồng. Tổng giá trị là 353.539.779 đồng.

10. Các con ông Phan Văn C: Chị Phan Thị A, chị Phan Thị S1, anh Phan Công L, chị Phan Thị Ngọc Tr, anh Phan Công Đ mỗi người hưởng 1/7 kỷ phần của ông C được hưởng diện tích là 21,612 m^2 đất trị giá 32.064.782 đồng trong quyền sử dụng diện tích 151,287 m^2 đất (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Phan Thị B dài 38m; phía Tây giáp ông Thái, ông S1 dài 38m; phía Nam giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875m; phía Bắc giáp đường bê tông 10m; và diện tích 272,486 m^2 trị giá 18.440.900 đồng trong phần diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất của ông Ch; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất chia cho bà Năm; phía Bắc giáp đất chia cho bà U. Tổng giá trị là 50.505.682 đồng. Các con của anh Th1: Anh Phan Tấn Th, anh Phan Tấn Th2, chị Phan Thị Thanh Th và anh Phan Tấn Th7 mỗi người được hưởng (1/4) thừa kế của anh Th1 trong phần anh Th1 được hưởng diện tích là 5,403 m^2 đất tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh trị giá là 8.016.195 đồng và diện tích 68,1215 m^2 đất tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh trị giá là 4.610.225 đồng. Tổng trị giá là 12.626.420 đồng.

11. Các con bà Phan Thị N1: Anh Nguyễn Văn M1, anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Văn Ph mỗi người được hưởng 1/7 kỷ phần của bà Năm được hưởng diện tích 21,612 m^2 giá trị phần đất là 32.064.782 đồng trong quyền sử dụng 151,287 m^2 (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, Th1 Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Để dài 38 m; phía Tây giáp bà B dài 38 m; phía Nam giáp giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875 m; phía Bắc giáp đường bê tông 10 m và diện tích là 272,486 m^2 có giá trị 18.440.990 đồng trong diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa,

phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Phan Hồng Ch; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất ông Phan Văn Để; phía Bắc giáp đất ông Phan Văn C. Tổng giá trị là 50.505.772 đồng; các con của anh Minh: Chị Nguyễn Thị Kim Ngân, anh Nguyễn Văn T7 và anh Nguyễn Minh G mỗi người được hưởng 02 phần đất diện tích là 7,204 m^2 trị giá là 10.688.260 đồng tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh và diện tích là 90,828 m^2 trị giá 6.146.966 đồng tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tổng trị giá là 16.835.226 đồng.

12. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Đ, giao lại toàn bộ phần thừa kế chị được hưởng cho ông Phan Hồng Ch được hưởng diện tích 21,612 m^2 trị giá 32.064.782 đồng tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh và diện tích 272,486 m^2 trị giá 18.440.990 đồng tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tổng giá trị là 50.505.682 đồng, (trong phần thừa kế của ông Phan Văn C mà chị Đ được hưởng).

13.Ghi nhận sự tự nguyện của các chị Nguyễn Thị Kh, chị Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị H2 giao lại toàn bộ phần thừa kế các chị được hưởng cho ông Phan Hồng Ch được hưởng diện tích mỗi người được hưởng diện tích 21,612 m^2 trị giá 32.064.782 đồng tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh và diện tích 272,486 m^2 trị giá 18.440.990 đồng tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tổng giá trị là 50.505.682 đồng, (trong phần thừa kế của bà Phan Thị N1 mà chị Kh, chị Q, chị H2 được hưởng).

14. Các con của ông Đ: Anh Phan Thanh S, anh Phan Thanh Nh, anh Phan Thanh Tr, chị Phan Thị Thanh T3, chị Phan Thị Thanh Th, Phan Thanh H mỗi người được hưởng 1/6 kỷ phần diện tích là 25,2145 m^2 trị giá là 37.408.912 đồng trong quyền sử dụng 151,287m^2 (ngang 3,875m, dài 38m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông H1 dài 38m; phía Tây giáp bà Năm dài 38m; phía Nam giáp giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875m; phía Bắc giáp đường bê tông 10m và diện tích 317,9 m^2 trị giá là 21.514.383 đồng trong diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Phan Hồng Ch; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất ông Ch; phía Bắc giáp đất bà Phan Thị N1. Tổng giá trị là 58.923.295 đồng; riêng đối với phần anh Phan Thanh H được hưởng tạm giao cho anh Phan Thanh S4 quản lý.

15. Buộc ông Phan Hồng Ch có trách nhiệm giao lại cho những người được hưởng thừa kế các phần diện tích đất nêu trên khi bản án có hiệu lực pháp luật; riêng đối với phần diện tích đất rẫy tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh

Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh hiện ông Ch đang trồng mỳ sau khi ông Ch thu hoạch giao đất vào cuối tháng 8 năm 2018 âm lịch.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí đo đạc, Đ giá, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 12/02/2018 bị đơn ông Phan Hồng Ch có đơn kháng cáo với nội dung: Khi cha mẹ còn sống đã chia tài sản cho các con, các con đã nhận xong. Riêng 02 phần đất các anh em yêu cầu chia là từ ngày 07/4/1985 cụ N1 đã có cuộc họp có đủ anh em, có ghi biên bản là để 02 phần đất cho ông được hưởng, ông có trách nhiệm nuôi cụ N1 cho đến chết. Sau này có trách nhiệm cũng giỗ hàng năm, ông đã thực hiện nhưng bản chính biên bản cuộc họp có anh em ký tên đã mất chỉ còn biên bản phô tô. Nên các anh em mới kiện, nay yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cụ Nia đã cho ông từ năm 1985, ông đã nuôi cụ N1 từ năm 1985 đến năm 2006 cụ N1 chết, ông cúng giỗ hàng năm. Yêu cầu xử không chấp nhận yêu cầu của các anh em, không chia 02 phần đất để ông hưởng theo ý chí cụ N1.

Ngày 06/3/2018 bị đơn bà Huỳnh Thị Tr và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan gồm: Phan Thị S (chị ông Ch), Nguyễn Thị Kh, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị H2 (các con bà Năm), Nguyễn Thị Đ (con ông C) kháng cáo có chung nội dung: Khi còn sống cụ B, cụ N1 đã chia đã để cho ông Ch. Ông Ch có trách nhiệm nuôi cụ N1 cho đến chết, sau này cúng giỗ các cụ hàng năm. Yêu cầu phúc xử để cho ông Ch được hưởng theo ý chí cụ N1.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Ch, bà Tr có thay đổi yêu cầu kháng cáo là đồng ý diện tích phần đất 1.570m^2 (đo thực 2.383m^2) giữ nguyên như cấp sơ thẩm đã chia là ông nhận ½ diện tích mặt tiền trước, còn 02 phần đất mặt sau chia cho 08 anh em, không kháng cáo phần này. Còn phần đất 21.115m^2 đo thực 17.167m^2 ở Ninh Thạnh là xin anh em để cho ông được hưởng dùng vào việc thờ cúng ông bà. Nếu anh em không đồng ý, vẫn giữ yêu cầu chia thì ông xin được nhận đất và thanh toán bằng tiền theo giá trị đất đã Đ. Bà S, chị Kh, chị Q, chị H2 và chị Đ cũng thay đổi yêu cầu kháng cáo như ông Ch. Qua ý kiến của ông Ch và các đương sự kháng cáo tại tòa thì ông H, ông H1, bà B, bà U và các đương sự khác có cùng quyền lợi với ông H không đồng ý, đề nghị giữ nguyên như án sơ thẩm đã giải quyết. Sau cùng ông Ch, bà Tr và các đương sự kháng cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên đơn kháng cáo đã làm, không đồng ý chia 02 phần đất mà cụ N1 để lại vì cụ N1 đã cho ông Ch, bà Tr thực hiện trách nhiệm nuôi cụ N1 cho đến chết (năm 2006), thực hiện việc cúng giỗ ông bà chung đến nay.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Hồng H, bà Huỳnh Thị Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị S, chị Nguyễn Thị Kh, chị Nguyễn Thị Quí, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị Đ, gữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn H yêu cầu chia thừa kế 02 phần đất do cụ N1 còn đứng tên 1.570m^2 (đo thực 2.383m^2) và 21.115m^2 đo thực 17.167m^2 mà cụ N1 chết để lại, ông Phan Hồng Ch người quản lý sử dụng tài sản không đồng ý chia. Vì khi còn sống cha mẹ là cụ B, cụ N1 đã chia tài sản cho các con xong, 02 phần đất các anh em yêu cầu chia, từ năm 1985 cụ N1 đã họp các anh em lập biên bản giao cho ông được hưởng có trách nhiệm chăm sóc cụ N1 đến chết, sau này thờ cúng các cụ, ông đã thực hiện, nay không đồng ý chia. Các đương sự khác là bà S, ba trong bảy đứa con bà Năm, một trong bảy đứa con của cụ C không yêu cầu chia để cho ông Ch được hưởng còn các đương sự khác còn lại đều yêu cầu chia. Xét thấy 02 phần đất tranh chấp do cụ N1 còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1994, 1998 cụ N1 chết năm 2006 không để lại di chúc. Năm 2014 ông H cùng các con khác của cụ N1 là ông bà C (Biện), B, H1, Năm,U khởi kiện, các bên đã thống nhất chia theo thỏa thuận nên nguyên đơn đã rút yêu cầu nhưng không làm thủ tục đứng tên theo giấy được, đến tháng 4/2017 ông H tiếp tục khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thời hiệu và đúng thẩm quyền theo các Điều 45 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 633 Bộ luật dân sự 2015, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Sau khi xét xử ông Ch bà Tr và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, nộp đầy đủ án phí nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung: Cụ Phan Văn B chết năm 1976, cụ N1 chết năm 2006, cả hai đều không để lại di chúc, 02 cụ có 11 người con, chết lúc nhỏ chưa có gia đình 02 người, còn lại 09 người là: Phan Văn Cung (chết 2016 còn 07 người con là Bình, S1, Th1, Xây, Tr, Đ, Đ, năm 2017 anh Th1 chết, anh Th1 có 04 người con là Th2, Th3, Th4, Th5). Phan Thị B. Phan Thị N1 (năm 2015 bà Năm chết, bà Năm có 07 con là: Kh, M1, Th6, Ph, Q, M, H2, tháng 01/2018 anh M chết, anh M có 03 người con là Ng, T, G). Phan Thanh Đ (chết năm 2016 có 06 người con là S, Nh, Tr, T3, Th, H, anh H đã chết còn lại vợ con không rõ địa chỉ). Phan Văn H1, Phan Thị S, Phan Hồng Ch, Phan Thị U, Phan Hồng H. Nên 09 người con của cụ B, cụ N1 là những người thừa kế di sản theo pháp luật mà cụ N1 chết để lại, ông C, bà Năm, ông Để chết, các con hưởng thừa kế thế vị.

Tài sản để lại: Diện tích cấp giấy cho cụ N1 năm 1994: 1.570m^2, đo thực 2.383m^2 trị giá 3.534.000.000 đồng, diện tích cấp giấy cụ N1 năm 1998 21.115m^2 đo thực 17.167m^2 trị giá 1.161.830.793 đồng. Tổng trị giá tài sản: 4.695.830.793 đồng, trên đất 1.570m^2 có nhà cấp 4 của cụ N1, ông H có yêu cầu chia, sau đó rút lại yêu cầu các đương sự khác cũng không có yêu cầu để nhà cho ông Ch hưởng. Trên đất 21.115m^2 có 307 cây cao su 12 năm tuổi do ông Ch trồng, ông Ch đã phá bỏ, hiện đất trồng mì đến tháng 8/2018 thì thu hoạch. Quá trình giải quyết ông Ch có nại ngày 07/4/1985 cụ N1 có họp gia đình có mặt đầy đủ anh em thống nhất giao 02 phần đất cụ N1 đứng tên đang tranh chấp cho ông được hưởng, ông có trách nhiệm nuôi, chăm sóc cụ N1 cho đến chết, sau này cúng giỗ, thờ phụng các cụ. Ông đã thực hiện nên không đồng ý chia nhưng ông Ch không xuất trình được bản chính của cuộc họp năm 1985, các anh em khác đa số đều không thừa nhận có việc cụ N1 để lại 02 phần đất cho ông Ch được hường. Từ năm 1985 đến 2006 (năm cụ N1 chết) là 21 năm, cụ N1 không làm giấy tặng cho để sang tên cho ông Ch hoặc để lại di chúc cho ông Ch được hưởng 02 phần đất trên theo quy Đ của pháp luật. Nên việc ông Ch nại cụ N1 đã cho ông 02 phần đất tranh chấp là không có căn cứ, không phù hợp pháp luật. Sau khi cụ N1 mất thì 02 phần đất tranh chấp vẫn do cụ N1 đứng tên, năm 2014 các anh em mới khởi kiện yêu cầu chia và chính ông Ch cũng thấy việc cho ông 02 phần đất trên là không đủ căn cứ theo pháp luật quy Đ. Tại biên bản thỏa thuận chia có mặt đầy đủ các anh em đã đồng ý và ký tên ngày 21/01/2015 chia 02 phần đất trên có xem xét công sức của ông Ch về việc chăm sóc cụ N1, thờ cúng, làm giỗ hàng năm nên ông được nhận nhà ½ diện tích 1.570m^2 mặt trước, nhận mặt tiền. Phần đất thứ hai 21.115m^2 chia làm 09 phần đều nhau cho các anh em, các nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện nhưng chưa thực hiện do chưa thống nhất 300m^2 đất thổ cư thuộc về ai. Nên cấp sơ thẩm xác định 02 phần đất cụ N1 còn đứng tên chết để lại là di sản sở hữu chung của các con cụ N1 và chia cho các con của cụ N1 theo tinh thần mà các đương sự thống nhất chia tại biên bản ngày 21/01/2015 là hợp tình hợp lý, đảm bảo căn cứ, đúng pháp luật. Ông Ch, bà Tr, chị Kh, chị H2, chị Q, chị Đ kháng cáo không đồng ý chia nhưng không nêu được căn cứ gì mới, không có cơ sở xem xét, không chấp nhận.

[3] Xét cấp sơ thẩm đã phân chia di sản cụ N1 để lại là cụ thể, rõ ràng, có xem xét đến công sức của ông Ch, ý chí không nhận tài sản của người được hưởng tài sản nhưng không nhận, tự nguyện giao lại cho ông Ch là hợp lý. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng không tự thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án kể cả ông H, ông H1, bà B, bà U và các đương sự khác có quyền lợi phù hợp với ông H cũng yêu cầu được nhận đất, không đồng ý nhận tiền theo yêu cầu của ông Ch. Nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp nhận đề xuất giữ nguyên bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Xét thấy đất các đương sự được chia có bản vẽ cụ thể về vị trí, kích thước tứ cận nên quyết định bổ sung là kèm theo bản án bản vẽ tại bút lục 368, 369 để thi hành.

[4] Do kháng cáo của bị đơn ông Phan Hồng Ch, bà Huỳnh Thị Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị S, chị Nguyễn Thị Kh, chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị Đ không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[5] Các khoản khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Hồng Ch, bà Huỳnh Thị Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị S, chị Nguyễn Thị Kh, chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:

Căn cứ vào Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hồng H "Tranh chấp về thừa kế tài sản" đối với ông Phan Hồng Ch và bà Huỳnh Thị Tr. Xác định tài sản 02 phần đất diện tích 1.579m^2 (đo thực 2382m^2) và diện tích 21.115m^2 (đo thực tế 17.107m^2) do cụ Biện Thị N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/4/1994 và 22/12/1998 chết đi để lại.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Phan Hồng H yêu cầu chia căn nhà và cây trồng trên đất diện tích đất 1.570 m^2 (diện tích thực tế là 2.382 m^2) thuộc thửa số 257 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Ghi nhận các đương sự thống nhất giao cho ông Ch được hưởng diện tích 1.171, 7m^2 (trong đó có 300m^2 đất thổ cư) thuộc thửa số 257 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp H Đ, xã H T8, huyện Hòa Th1, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh) mặt trước đến hàng rào B40, trên đất có căn nhà ngói xưa, căn nhà tole, công trình phụ và cây trái trên đất.

4. Ông Phan Hồng H được hưởng quyền sử dụng diện tích 151,287 m^2 đất (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà U dài 38 m; phía Tây giáp ông H1 dài 38 m; phía Nam giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875 m; phía Bắc giáp đường bê tông 10 m; có giá trị là 224.453.477 đồng và diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố

Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc Anh; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất chia cho bà Phan Thị B; phía Bắc giáp đất chia cho ông Phan Hồng Ch; có giá trị 129.086.302 đồng. Tổng giá trị là 353.539.779 đồng.

5. Ông Phan Hồng Ch được hưởng quyền sử dụng diện tích 1.171,7 m^2 đất (trong đó có 300 m^2 đất ở), phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất cũ của bà 8 Mén dài 35,86 m; phía Tây giáp đất của ông Bảnh, ông S1 dài 34,34 m; phía Nam giáp đường bê tông (5 m) dài 30,52 m; phía Bắc giáp phần đất mặt sau chia cho các ông bà: H, C, B, Năm, Để, H1, S, và U dài 30,8 m hiện có hàng rào B40; (trên đất có căn nhà và tài sản gắn liền với đất) có giá trị 2.168.221.594 đồng và diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc Anh, phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất chia cho ông Phan Hồng H; phía Bắc giáp đất chia cho bà Phan Thị S; có giá trị 129.086.302 đồng (trên đất có nhà và cây cao su) hiện 02 phần đất trên ông Ch đang quản lý sử dụng. Tổng giá trị là 2.297.307.896 đồng.

6. Bà Phan Thị B được hưởng quyền sử dụng diện tích 151,287 m^2 đất (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà Năm dài 38 m; phía Tây giáp ông C dài 38 m; phía Nam giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875 m; phía Bắc giáp đường bê tông 10 m; trị giá là 224.453.477 đồng và diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc Anh; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất ông ông Phan Văn H1; phía Bắc giáp đất ông Phan Hồng H; có giá trị 129.086.302 đồng. Tổng giá trị là 353.539.779 đồng.

7. Ông Phan Văn H1 được hưởng quyền sử dụng diện tích 151,287 m^2 đất (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông H dài 38 m; phía Tây giáp ông Để dài 38 m; phía Nam giáp giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875 m; phía Bắc giáp đường bê tông 10m; trị giá 224.453.477 đồng và diện tích 1.907,4m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc Anh và ông Phan Hồng Ch; phía Tây giáp đất đường đất; phía Nam giáp đất chia cho bà Phan Thị U; phía Bắc giáp đất bà Phan Thị B; có giá trị 129.086.302 đồng. Tổng giá trị là 353.539.779 đồng.

8. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị S giao lại toàn bộ phần thừa kế mà bà được hưởng cho ông Phan Hồng Ch được hưởng diện tích 151,287 m^2 đất (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3,

Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà 8 Mén dài 38 m; phía Tây giáp đất bà U dài 38 m; phía Nam giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875 m; phía Bắc giáp đường bê tông 10 m; giá trị phần đất là 224.453.477 đồng và diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Ngọc Anh; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất chia cho ông Phan Hồng Ch; phía Bắc giáp đường đất, có giá trị 129.086.302 đồng. Tổng giá trị là 353.539.779 đồng.

9. Bà Phan Thị U được hưởng quyền sử dụng diện tích 151,287 m^2 đất (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà S dài 38 m; phía Tây giáp ông H dài 38 m; phía Nam giáp giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875 m; phía Bắc giáp đường bê tông 10 m; giá trị phần đất là 224.453.477 đồng và diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Phan Hồng Ch; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất ông Phan Văn C; phía Bắc giáp đất chia cho ông Phan Văn H1; có giá trị 129.086.302 đồng. Tổng giá trị là 353.539.779 đồng.

10. Các con ông Phan Văn C: Chị Phan Thị A, chị Phan Thị S1, anh Phan Công L, chị Phan Thị Ngọc Tr, anh Phan Công Đ mỗi người hưởng 1/7 kỷ phần của ông C được hưởng diện tích là 21,612 m^2 đất trị giá 32.064.782 đồng trong quyền sử dụng diện tích 151,287 m^2 đất (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Phan Thị B dài 38m; phía Tây giáp ông Thái, ông S1 dài 38m; phía Nam giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875m; phía Bắc giáp đường bê tông 10m; và diện tích 272,486 m^2 trị giá 18.440.900 đồng trong phần diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất của ông Ch; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất chia cho bà Năm; phía Bắc giáp đất chia cho bà U. Tổng giá trị là 50.505.682 đồng. Các con của anh Th1: Anh Phan Tấn Th, anh Phan Tấn Th2, chị Phan Thị Thanh Th và anh Phan Tấn Th7 mỗi người được hưởng (1/4) thừa kế của anh Th1 trong phần anh Th1 được hưởng diện tích là 5,403 m^2 đất tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh trị giá là 8.016.195 đồng và diện tích 68,1215 m^2 đất tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh trị giá là 4.610.225 đồng. Tổng trị giá là 12.626.420 đồng.

11. Các con bà Phan Thị N1: Anh Nguyễn Văn M1, anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Văn Ph mỗi người được hưởng 1/7 kỷ phần của bà Năm được hưởng diện tích 21,612 m^2 giá trị phần đất là 32.064.782 đồng trong quyền sử dụng

151,287 m^2 (ngang 3,875 m, dài 38 m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, Th1 Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Để dài 38 m; phía Tây giáp bà B dài 38 m; phía Nam giáp giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875 m; phía Bắc giáp đường bê tông 10 m và diện tích là 272,486 m^2 có giá trị 18.440.990 đồng trong diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Phan Hồng Ch; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất ông Phan Văn Để; phía Bắc giáp đất ông Phan Văn C. Tổng giá trị là 50.505.772 đồng; các con của anh Minh: Chị Nguyễn Thị Kim Ngân, anh Nguyễn Văn T7 và anh Nguyễn Minh G mỗi người được hưởng 02 phần đất diện tích là 7,204 m^2 trị giá là 10.688.260 đồng tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh và diện tích là 90,828 m^2 trị giá 6.146.966 đồng tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tổng trị giá là 16.835.226 đồng.

12. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Đ, giao lại toàn bộ phần thừa kế chị được hưởng cho ông Phan Hồng Ch được hưởng diện tích 21,612 m^2 trị giá 32.064.782 đồng tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh và diện tích 272,486 m^2 trị giá 18.440.990 đồng tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tổng giá trị là 50.505.682 đồng, (trong phần thừa kế của ông Phan Văn C mà chị Đ được hưởng).

13.Ghi nhận sự tự nguyện của các chị Nguyễn Thị Kh, chị Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị H2 giao lại toàn bộ phần thừa kế các chị được hưởng cho ông Phan Hồng Ch được hưởng diện tích mỗi người được hưởng diện tích 21,612 m^2 trị giá 32.064.782 đồng tọa lạc tại khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh và diện tích 272,486 m^2 trị giá 18.440.990 đồng tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Tổng giá trị là 50.505.682 đồng, (trong phần thừa kế của bà Phan Thị N1 mà chị Kh, chị Q, chị H2 được hưởng).

14. Các con của ông Đ: Anh Phan Thanh S, anh Phan Thanh Nh, anh Phan Thanh Tr, chị Phan Thị Thanh T3, chị Phan Thị Thanh Th, Phan Thanh H mỗi người được hưởng 1/6 kỷ phần diện tích là 25,2145 m^2 trị giá là 37.408.912 đồng trong quyền sử dụng 151,287m^2 (ngang 3,875m, dài 38m) thuộc thửa số 257, tờ bản đồ số 01, tọa lạc khu phố 3, Phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông H1 dài 38m; phía Tây giáp bà Năm dài 38m; phía Nam giáp giáp phần đất ông Ch có hàng rào B40 dài 3,875m; phía Bắc giáp đường bê tông 10m và diện tích 317,9 m^2 trị giá là 21.514.383 đồng trong diện tích 1.907,4 m^2 thuộc thửa số 1919, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; phần đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Phan Hồng Ch; phía Tây giáp đường đất; phía Nam giáp đất ông Ch; phía Bắc giáp đất bà Phan Thị N1.

Tổng giá trị là 58.923.295 đồng; riêng đối với phần anh Phan Thanh H được hưởng tạm giao cho anh Phan Thanh S4 quản lý.

15. Buộc ông Phan Hồng Ch có trách nhiệm giao lại cho những người được hưởng thừa kế các phần diện tích đất nêu trên khi bản án có hiệu lực pháp luật; riêng đối với phần diện tích đất rẫy tại khu phố Ninh Nghĩa, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh hiện ông Ch đang trồng mỳ sau khi ông Ch thu hoạch giao đất vào cuối tháng 8 năm 2018 âm lịch.

Kèm theo bản án là bản vẽ đo đạc vị trí, kích thước, tứ cận đất đã phân chia của từng đương sự (bút lục 368, 369) để thi hành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015.

16. Về án phí dân sự:

16.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H phải chịu 17.676.988 đồng, ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí 7.675.000 đồng theo biên lai thu số: 0003996 ngày 18-4-2017 và 463.900 đồng theo biên lai thu số: 0004657 ngày 18-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; được khấu trừ ông H còn phải nộp 9.538.088 đồng.

- Ông Ch phải chịu 105.724.281 đồng (trong đó phần của ông Ch 77.946.157 đồng + phần của bà S giao 17.676.988 đồng + phần của chị Đ chị Kh, chị Quý, chị H2 mỗi người 2.525.288 đồng).

- Bà B phải chịu án phí là 17.676.988 đồng.

- Ông H1 phải chịu án phí là 17.676.988 đồng.

- Bà U phải chịu án phí là 17.676.988 đồng.

- Các con ông C: Chị Phan Thị A, chị Phan Thị S1, anh Phan Công L, chị Phan Thị Ngọc Tr, anh Phan Công Đ mỗi người phải chịu án phí là 2.525.284 đồng;

- Các con anh Th1: Anh Phan Tấn Th, anh Phan Tấn Th2, chị Phan Thị Thanh Th và anh Phan Tấn Th7 mỗi người phải chịu án phí là 631.321 đồng.

- Các con bà Năm: Anh Nguyễn Văn M1, anh Nguyễn Văn Th3, anh Nguyễn Văn Ph, mỗi người phải chịu án phí là 2.525.284 đồng;

- Các con anh M: Chị Nguyễn Thị Kim Ng, anh Nguyễn Văn T7 và anh Nguyễn Minh G mỗi người phải chịu án phí là 841.761 đồng.

- Các con ông Để: Anh Phan Thanh Sơn, anh Phan Thanh Nh, anh Phan Thanh Tr, chị Phan Thị Thanh T3, chị Phan Thị Thanh Th, Phan Thanh H mỗi người phải chịu án phí là 2.946.164 đồng;

16.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Hồng Ch phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005047 ngày 12 tháng 02 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Bà Lê Thị Tr phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005099 ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Th1 phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Bà Phan Thị S, chị Nguyễn Thị Kh, chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Q, chị Nguyễn Thị H2 mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005100 (bà S), 0005101 (chị Kh), 0005102 (chị Đ, 0005103 (chị Quí), 0005014 (chị H2) ngày 07 tháng 3 năm 2018 do ông Phan Hồng Ch nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

17. Về chi phí đo đạc định giá:

- Về chi phí đo đạc, thẩm định giá: Ông H, ông Ch, bà B, bà S, ông H1, bà U, anh Đ đại diện các con ông C, anh Ph đại diện các con bà N và anh S đại diện các con ông Đ mỗi người phải chịu 2.444.444 đồng; số tiền này ông H đã chi trả nên các bên đương sự có trách nhiệm giao nộp trả lại cho ông H.

- Ghi nhận ông H chịu tiền chi phí đo đạc định giá lại theo yêu cầu của ông H, số tiền 1.600.000 đồng đã nộp xong.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND.TP.Tây Ninh;
- VKSND.TTN;
- Chi cục THADS. TP.Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Son